

# BIỆN PHÁP GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI - MỘT SỐ VƯỚNG MẮC VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

TÀO THỊ QUYÊN\*  
ĐỖ VĂN CHIẾN\*\*

*Áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi là việc cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự bảo đảm tính cấp bách, thận trọng và kiên quyết. Đây là biện pháp nhằm ngăn chặn tội phạm, không cho đối tượng bị giữ khẩn cấp thực hiện tội phạm, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Bài viết làm rõ những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và so sánh với Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi, đồng thời, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện quy định nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp này.*

*Từ khóa:* Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp; người dưới 18 tuổi; Bộ luật Tố tụng hình sự; Bộ luật Hình sự.

*Applying the detention measure in emergencies to minors means that competent authorities use deterrent measures in criminal procedures to ensure urgency, prudence and determination. This is a measure to prevent violations and to ensure the handling of violations, which makes it difficult to solve the cases. The article clarifies the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code and compares them with the 2015 Criminal Code (amended and supplemented in 2017) on cases of emergency detention for minors, and points out limitations, problems and recommendations for improving the regulations in order to achieve the effectiveness of this measure.*

*Keywords:* detention measure in emergencies; minors; Criminal Procedure Code; Criminal Code.

NGÀY NHẬN: 10/8/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/9/2023

NGÀY DUYỆT: 10/10/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.333.2023.659>

## 1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải bảo đảm nguyên

tắc tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi (Điều 414), bảo đảm những người có

\* PGS.TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

\*\* ThS, Học viện Cảnh sát nhân dân

thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp là người được đào tạo hoặc có kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án, có hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi (Điều 415).

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 110 và khoản 2, 3 Điều 419 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, theo đó:

(1) *Trường hợp thứ nhất*: có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (điểm a khoản 1 Điều 110). *Một là*, phải có đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm. Tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). *Hai là*, tội phạm thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trong đó rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt từ trên 7 năm - 15 năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, mức cao nhất của khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình được quy định tại khoản 3, 4 Điều 9 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khi đã có đủ thông tin tài liệu, chứng cứ xác định các điều kiện trên thì cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp: *một*

*là*, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 nếu có căn cứ quy định tại Điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (khoản 2 Điều 419); *hai là*, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại Điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (khoản 3 Điều 419 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015).

(2) *Trường hợp thứ hai*: người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn (điểm b khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015). Đây là trường hợp tội phạm đã xảy ra, cơ quan, người có thẩm quyền khi áp dụng biện pháp giữ khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi phải thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu chứng cứ thỏa mãn điều kiện: (1) Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm.

Với điều kiện này cơ quan, người có thẩm quyền phải làm rõ việc “chính mắt nhìn thấy” của người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm. Đây là trường hợp người dưới 18 tuổi đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị bắt ngay khi đang thực hiện tội phạm. Sau khi thực hiện tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội đã bị người cùng thực hiện tội phạm, người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy<sup>1</sup> và xác nhận là đúng. Bên cạnh đó, phải xác định: “Người đã thực hiện tội

phạm” là người dưới 18 tuổi có thể bị giữ khẩn cấp với điều kiện trong trường hợp: *một là*, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); *hai là*, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, việc xác định chính mắt nhìn thấy ở đây là người đó nhìn thấy một cách cụ thể, rõ ràng với khoảng cách, ánh sáng trong điều kiện bảo đảm cho người đó có thể nhận diện và khẳng định chính xác người dưới 18 tuổi đã thực hiện hành vi phạm tội. Điều này được thể hiện thông qua tài liệu chứng cứ như biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can... để họ xác nhận “đúng là người dưới 18 tuổi đã thực hiện tội phạm”.

(2) Xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn. Đối với điều kiện này phải làm rõ “việc người đó trốn”, tức là cần thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định người đó đã trốn, đang trốn hoặc chuẩn bị trốn. Đối với nội dung “chuẩn bị trốn” được hiểu là việc người dưới 18 tuổi đã có hành động bỏ trốn, hành động chuẩn bị bỏ trốn hoặc có những dấu hiệu bỏ trốn. Việc xác định khả năng trốn của người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm đòi hỏi phải căn cứ vào việc người dưới 18 tuổi này không có nơi cư trú rõ ràng hoặc có nơi cư trú rõ ràng nhưng quá xa nơi xảy ra tội phạm, khi triệu tập người dưới 18 tuổi đã thực hiện tội phạm không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền do khoảng cách địa giới hành chính xa cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, gây khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án hình sự. Để xác định đúng là “xét

thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn” thì phải đánh giá một cách toàn diện, khách quan, đầy đủ các vấn đề như sau:

Căn cứ về nhân thân của người dưới 18 tuổi đã thực hiện tội phạm. Đây là trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp “căn cứ vào tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của họ”<sup>2</sup>. Ví dụ, người dưới 18 tuổi đã thực hiện tội phạm không có lý lịch rõ ràng, không có nơi cư trú, có tiền án, tiền sự...

Căn cứ về loại tội phạm mà người dưới 18 tuổi đã thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội để làm căn cứ xác định “xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn”. Đối với những hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi đã thực hiện có tính chất càng nguy hiểm bao nhiêu thì khả năng bỏ trốn của người dưới 18 tuổi càng lớn.

Căn cứ về hành vi thực tế của người dưới 18 tuổi đã thực hiện tội phạm như có thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định người dưới 18 tuổi sau khi thực hiện tội phạm đã chuẩn bị hành lý quần áo, phương tiện di chuyển, chuẩn bị tiền hoặc tẩu tán tài sản do phạm tội mà có...

(3) *Trường hợp thứ ba*: có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ (điểm c khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015). Đây là trường hợp phải có đầy đủ thông tin, tài liệu chứng cứ thể hiện rõ các căn cứ:

- Xác định có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 *Bộ luật Hình sự* hoặc người từ đủ 16 tuổi

đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng của *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và được quy định tại Điều 419 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

- Xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người dưới 18 tuổi trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 *Bộ luật Hình sự* hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng của *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và quy định tại Điều 419 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

## **2. Những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi**

Một là, sự không tương thích giữa quy định của *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 với *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi áp dụng trường hợp “có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi.

Đối với trường hợp giữ khẩn cấp này, người có thẩm quyền áp dụng phải là người được quy định tại khoản 2 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, trong đó có thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp là người tiến hành tố tụng (khoản 2 Điều 34 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015). Quá trình thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ có đầy đủ căn cứ để giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 110 và khoản 2, 3 Điều 419 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 lại không thể ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp do người tiến hành tố tụng chưa có kinh nghiệm trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu

biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi (Điều 415 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015).

Điều 12 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà *Bộ luật Hình sự* có quy định khác. Từ quy định này, người dưới 18 tuổi trở xuống đến 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà *Bộ luật Hình sự* có quy định khác, bên cạnh đó, Bộ luật cũng quy định về hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự gồm có 25 tội danh được quy định tại khoản 2 Điều 14. Với những quy định này, cơ quan, người có thẩm quyền khi có đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định rõ người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc chuẩn bị phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng không thuộc vào 25 tội danh được quy định tại khoản 2 Điều 14 phải chịu trách nhiệm hình sự thì cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp nếu có áp dụng biện pháp giữ người theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 cũng phải thả ngay sau khi áp dụng biện pháp giữ khẩn cấp và vấn đề oan sai, bồi thường thiệt hại có thể đặt ra ở đây.

Với trường hợp khác, nếu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng hoặc chuẩn bị phạm tội nghiêm trọng thuộc 25 tội danh quy định tại khoản 2 Điều 14 *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp không đủ căn cứ pháp lý để tiến

hành áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015. Như vậy, mục đích quy định biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp chưa đạt được.

*Hai là*, những khó khăn, vướng mắc trong việc thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận là đúng là người đã thực hiện tội phạm.

Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm như thế nào là “chính mắt nhìn thấy”? Trong nhiều trường hợp khi người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có bệnh lý về mắt như cận thị, viễn thị, loạn thị... có sử dụng công cụ, phương tiện hỗ trợ cho việc nhìn thấy như kính áp tròng, kính chữa viễn thị, loạn thị hoặc một loại công cụ khác hỗ trợ cho việc nhìn có được xác định là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Hay một người ở xa nơi xảy ra tội phạm vài ki-lô-mét ở địa bàn khác xã, huyện, tỉnh khác nhưng nhìn qua ống nhòm thấy người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội có được xác định là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Hoặc trong tình huống người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt ở nơi xảy ra tội phạm nhìn qua màn hình thu của camera thấy rõ hành vi của người đã thực hiện tội phạm có được coi là “chính mắt nhìn thấy” hay không? Đây là những khó khăn, vướng mắc cần có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể khi tiến hành áp dụng biện pháp này.

*Ba là*, một số hạn chế, vướng mắc trong việc xác định “dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội

phạm” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

Với quy định này khi xác định được đầy đủ thông tin tài liệu, chứng cứ về “dấu vết của tội phạm” của người dưới 18 tuổi không ở vị trí ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người dưới 18 tuổi bị nghi thực hiện tội phạm thì có tiến hành áp dụng biện pháp này được hay không? Ví dụ: dấu vết tội phạm tại nơi ở của người thân thích với người bị nghi thực hiện tội phạm, hoặc tại hiệu cầm đồ khi người bị nghi thực hiện tội phạm mang dấu vết tội phạm là những vật có giá trị đến hiệu cầm đồ cầm cố... Khi đó cơ quan, người có thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp có thể áp dụng biện pháp giữ khẩn cấp được hay không?

### 3. Một số kiến nghị, đề xuất

*Thứ nhất*, đối với trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thứ nhất, khi có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng cần hoàn thiện quy định này theo hướng bảo đảm nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với người dưới 18 tuổi và mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung. Theo đó, để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án (Điều 109 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015). Đồng thời bảo đảm tính phù hợp, tương thích với những quy định của *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về những hành vi chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 là “Có đủ căn cứ xác định người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

*Thứ hai*, hoàn thiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 theo nội dung là: “Người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy hoặc có chứng cứ xác định đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn”.

*Thứ ba*, ban hành văn bản hướng dẫn quy định tại điểm b và điểm c Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 về “xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn” theo hướng bảo đảm cơ sở pháp lý để người có thẩm quyền có đủ căn cứ xác định khi nào thì xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn. Làm rõ các dấu hiệu người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm có biểu hiện trốn theo hướng căn cứ vào tính chất của tội phạm; căn cứ vào hành vi của người thực hiện tội phạm là người dưới 18 tuổi; căn cứ vào nhân thân của người phạm tội là người dưới 18 tuổi. Từ đó, quy định cụ thể hơn đối với những tính chất nào của tội phạm là người dưới 18 tuổi, hành vi nào của người thực hiện tội phạm là người dưới 18 tuổi và đặc điểm nào của nhân thân người thực hiện tội phạm là người dưới 18 tuổi thì áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

*Thứ tư*, hoàn thiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 110 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 theo hướng khi cơ quan, người có thẩm quyền thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định được “dấu vết của tội phạm” đối với người bị nghi thực hiện tội phạm là người dưới 18 tuổi có những dấu hiệu trốn hoặc hành vi tiêu hủy chứng cứ thì tiến hành áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Do đó, cần hoàn thiện là: “Có dấu vết tội phạm của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ”.

#### **4. Kết luận**

Tính ưu việt của việc áp dụng biện pháp

giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi là góp phần kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn những hành vi gây khó khăn, cản trở trong quá trình giải quyết vụ án hoặc có hành vi tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên, việc quy định các trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi vẫn còn những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng. Để bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo đảm các quy định về trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi hạn chế những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng, *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 cần hoàn thiện biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người dưới 18 tuổi. □

#### **Chú thích:**

1. Phạm Thanh Bình, Lê Văn Thư, Trần Văn Luyện, Nguyễn Mai Bộ, Nguyễn Ngọc Hà, Phạm Thị Thu và Nguyễn Cao Hùng (đồng chủ biên). *Bình luận Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. H. NXB Công an nhân dân, 2018, tr. 222.

2. Nông Đức Tài. *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 22 (466) - T11/2021, tr. 45.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hòa Bình. *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2016.

2. *Bộ luật Hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3. *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015.

4. Nguyễn Quốc Hân. *Những vướng mắc khi áp dụng quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp*. Tạp chí Kiểm sát, số 15 (tháng 8/2018).

5. Lý Thế Hoa. *Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam (phần 1)*. H. NXB Công an nhân dân, 2019.

6. Nguyễn Xuân Văn. *Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết vụ án hình sự theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam*. H. NXB Công an nhân dân, 2022.